

## BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

Tổng kết kiến thức trọng tâm trong chương, làm được các bài tập tiêu biểu.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: HS xác định đúng đắn động cơ thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác; biết đề xuất, lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề; biết trình bày giải pháp cho vấn đề, biết đánh giá giải pháp đã thực hiện.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng được bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu số, cộng trừ các phân số.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Xác định được ƯCLN, BCNN của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng (hiệu).

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra, tích cực làm bài tập
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả, đánh giá công bằng, khách quan.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm khi báo cáo kết quả hoạt động nhóm.
- Nhân ái: Sẵn sàng học hỏi và giúp đỡ mọi người.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

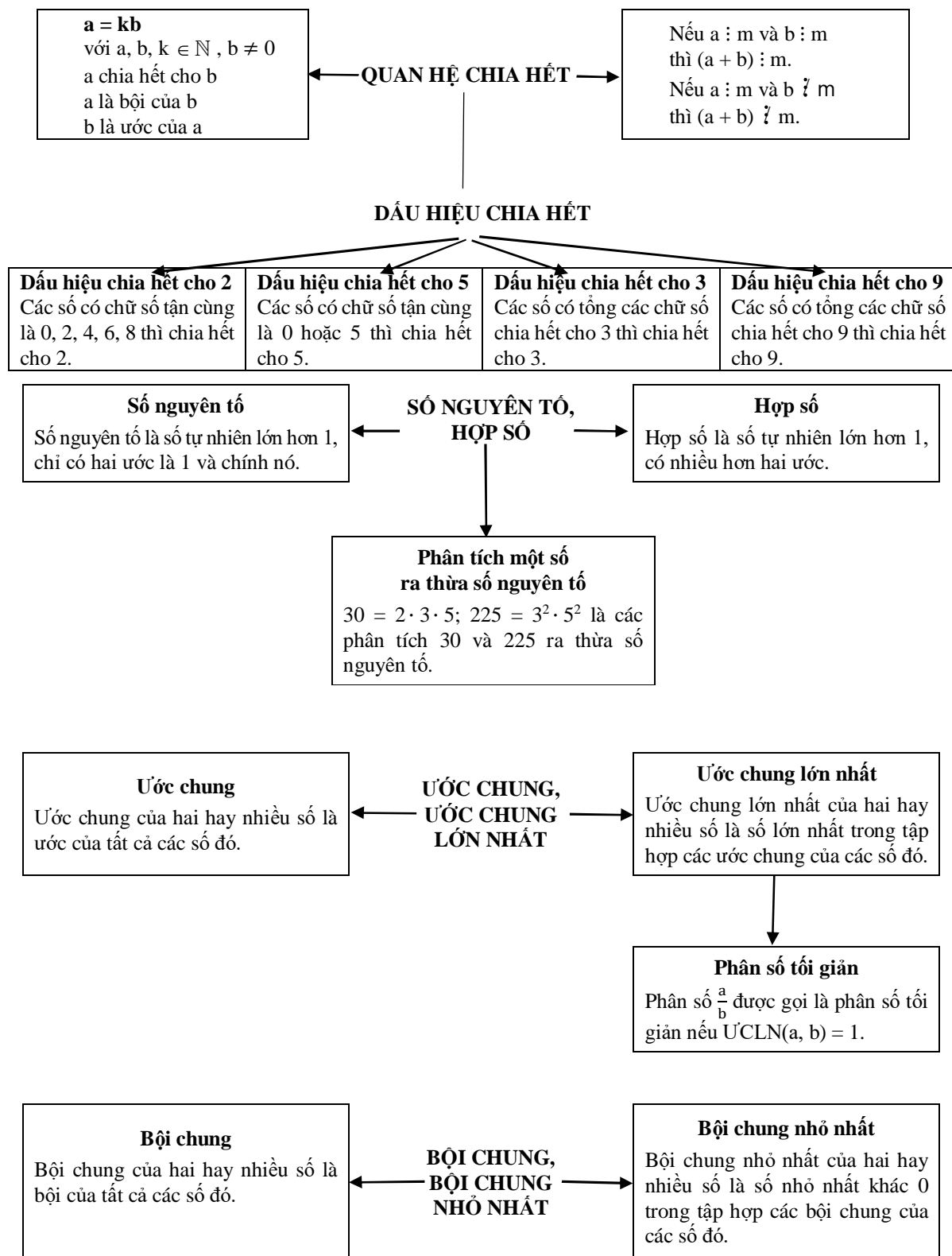
### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: ÔN TẬP LÍ THUYẾT (15 phút)

a) *Mục tiêu:* Nhắc lại lí thuyết trọng tâm trong chương II.

b) *Nội dung:* Đọc và tổng kết kiến thức trong chương II theo sơ đồ.

c) **Sản phẩm:** Sơ đồ kiến thức.



**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV tổ chức phát vấn bằng cách gọi HS lên bảng kiểm tra bài cũ, mỗi em một vấn đề (gọi khoảng 5 HS). + Khi nào thì a chia hết cho b? Hãy nêu các tính chất chia hết của một tổng? + Phát biểu các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9? + Phát biểu khái niệm số nguyên tố và hợp số? Phân tích một số tự nhiên ra thừa số nguyên tố được thực hiện như thế nào? + ƯC, ƯCLN, phân số tối giản là gì? Nêu cách tìm chúng? + BC, BCNN là gì? Nêu cách tìm chúng? Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	5 HS lên bảng thực hiện. HS nhận xét.

**Hoạt động 2: Luyện tập (23 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng (hiệu). Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố. Xác định được ƯCLN, BCNN hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. Sử dụng được bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu số, cộng trừ các phân số. Vận dụng kiến thức giải quyết các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** Bài tập 2.53, 2.55, 2.57, 2.58/SGK tr.56.

**c) Sản phẩm:**

– Bài tập 2.53/SGK tr.56:

a)  $x \in \{50; 108; 1\ 234; 2\ 020\}$ ;      b)  $x \in \{108; 189; 2\ 019\}$ ;

c)  $x \in \{50; 2\ 020\}$ ;      d)  $x \in \{108; 189\}$ .

– Bài tập 2.55/SGK tr.56:

a)  $21 = 3 \cdot 7$ ;  $98 = 2 \cdot 7^2$ .

ƯCLN(21, 98) = 7; BCNN(21, 98) =  $2 \cdot 3 \cdot 7^2 = 294$ .

b)  $36 = 2^2 \cdot 3^2$ ;  $54 = 2 \cdot 3^3$ .

ƯCLN(36, 54) =  $2 \cdot 3^2 = 18$ ; BCNN(36, 54) =  $2^2 \cdot 3^3 = 108$ .

– Bài tập 2.57/SGK tr.56:

a) Ta có  $12 = 2^2 \cdot 3$ ;  $16 = 2^4$  nên BCNN(12, 16) =  $2^4 \cdot 3 = 48$ .

$$\frac{5}{12} = \frac{5 \cdot 4}{12 \cdot 4} = \frac{20}{48}; \quad \frac{3}{16} = \frac{3 \cdot 3}{16 \cdot 3} = \frac{9}{48}.$$

Vậy  $\frac{5}{12} + \frac{3}{16} = \frac{20}{48} + \frac{9}{48} = \frac{29}{48}$ .

b) Ta có  $9 = 3^2$ ;  $15 = 3 \cdot 5$  nên  $BCNN(9, 15) = 3^2 \cdot 5 = 45$ .

$$\frac{4}{15} = \frac{4 \cdot 3}{15 \cdot 3} = \frac{12}{45}; \quad \frac{2}{9} = \frac{2 \cdot 5}{9 \cdot 5} = \frac{10}{45}.$$

Vậy  $\frac{4}{15} - \frac{2}{9} = \frac{12}{45} - \frac{10}{45} = \frac{2}{45}$ .

– Bài tập 2.58/SGK tr.56:

Số túi quà nhiều nhất chính là ƯCLN của 12, 18 và 30. Mà  $ƯCLN(12, 18, 30) = 6$  nên số túi quà nhiều nhất là 6. Mỗi túi quà gồm 2 quả cam, 3 quả xoài và 5 quả bơ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS hoàn thành các Bài tập 2.53; 2.55; 2.57; 2.58/ SGK tr.56 vào vở. + GV quan sát những sai sót để sửa chữa kịp thời. – Nhận xét, đánh giá kết quả, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng tính toán chính xác, tư duy suy luận trong quá trình làm bài. Cho điểm bài làm của HS.	HS hoạt động cá nhân. 5 HS lên bảng thực hiện. HS nhận xét.

**Hoạt động 3: VẬN DỤNG (5 phút)**

a) **Mục tiêu:** Vận dụng cách tìm ƯCLN, BCNN trong toán vào thực tiễn.

b) **Nội dung:** Bài tập 2.60/SGK tr.56: Biết rằng 79 và 97 là hai số nguyên tố. Hãy tìm ƯCLN và BCNN của hai số này.

c) **Sản phẩm:** Bài tập 2.60/SGK tr.56: Vì mỗi số nguyên tố chỉ có ước là 1 và chính nó, mà 79 và 97 là hai số nguyên tố khác nhau nên

$$ƯCLN(79, 97) = 1 \text{ và } BCNN(79, 97) = 79 \cdot 97 = 7\ 663.$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành Bài tập 2.60/SGK tr.56 vào phiếu học tập. – Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng, làm nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)**

- Ôn tập lại kiến thức và các dạng bài tập đã chữa.
- Làm các Bài tập 2.54; 2.56; 2.59/SGK tr.56.
- Ôn tập hệ thống kiến thức Chương I, Chương II.